

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Dự án thử nghiệm mô hình xã hội hóa cung cấp sản phẩm, dịch vụ dự phòng và sàng lọc ung thư vú, ung thư cổ tử cung tại cộng đồng đến năm 2030**

**BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ**

Căn cứ Nghị định số 75/2017/NĐ-CP ngày 20/6/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị quyết số 137/NQ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ về ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới;

Căn cứ Quyết định số 2013/QĐ-TTg, ngày 14/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược Dân số và Sức khỏe sinh sản Việt Nam giai đoạn 2011-2020;

Căn cứ Quyết định số 718/QĐ-BYT ngày 25/02/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt Đề án tiếp tục đẩy mạnh, mở rộng xã hội hóa cung cấp phương tiện tránh thai, hàng hóa và dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, sức khỏe sinh sản đến năm 2030;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Dân số-Kế hoạch hóa gia đình,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kèm theo Quyết định này Dự án Thử nghiệm mô hình xã hội hóa cung cấp sản phẩm, dịch vụ dự phòng và sàng lọc ung thư vú, ung thư cổ tử cung tại cộng đồng đến năm 2030.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Bộ, Tổng cục trưởng Tổng cục Dân số-Kế hoạch hóa gia đình, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Vụ trưởng Vụ Sức khỏe Bà mẹ - Trẻ em, Thủ trưởng các Vụ, Cục, đơn vị thuộc Bộ Y tế, Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng;
- UBND các tỉnh, TP;
- Chi cục DS-KHHGD các tỉnh, TP;
- Công Thông tin điện tử Bộ Y tế;
- Các Vụ, đơn vị thuộc Tổng cục DS-KHHGD;
- Trang thông tin điện tử của Tổng cục DS-KHHGD;
- Lưu: VT, TCDS (05b).

**KT. BỘ TRƯỞNG**

**THỨ TRƯỞNG**



**Nguyễn Việt Tiến**

## DỰ ÁN

### **Thử nghiệm mô hình xã hội hóa cung cấp sản phẩm, dịch vụ dự phòng và sàng lọc ung thư vú, ung thư cổ tử cung tại cộng đồng đến năm 2030**

*(Kèm theo Quyết định số 3619 /QĐ-BYT ngày 16/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế)*

#### **I. SỰ CẦN THIẾT**

##### **Tình hình mắc ung thư trên Thế giới và Việt Nam**

Theo Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), tỷ lệ mắc ung thư có xu hướng gia tăng ở hầu hết các nước trên Thế giới, trong đó khoảng 70% ở các nước đang phát triển. Năm 2018, trên toàn Thế giới có khoảng 18,1 triệu người bị phát hiện mắc ung thư và hơn 9,6 triệu người trong số này đã tử vong.

Cũng theo Tổ chức Y tế Thế giới, Việt Nam là quốc gia có tỷ lệ mắc ung thư, chết vì bệnh ung thư cao và tăng nhanh trong những năm gần đây. Năm 2014, tỷ lệ chết vì bệnh ung thư của Việt Nam đứng ở vị trí 78/172 quốc gia và vùng lãnh thổ. Số trường hợp ung thư mới cũng tăng nhanh, từ 68.000 người năm 2000 lên 164.671 người vào năm 2018; trong đó, gần 70% trường hợp đã tử vong (khoảng 115.000 người). Dự báo số trường hợp ung thư mới sẽ tăng lên khoảng 200.000 người vào năm 2020. Theo xếp hạng của WHO năm 2018, trong 185 quốc gia và vùng lãnh thổ được đánh giá, Việt Nam là quốc gia có tỷ lệ mắc ung thư đứng thứ 99/185 (tỷ lệ 151,4/100.000 dân), tỷ lệ tử vong xếp vị trí 56/185 (tỷ lệ 104,4/100.000 dân).

##### **Ung thư vú**

Ung thư vú (UTV) là căn bệnh đứng đầu về các bệnh ung thư ở nữ giới. Theo báo cáo của các Trung tâm ghi nhận ung thư, năm 2018, Việt Nam có 164.671 số ca mắc mới ung thư, trong đó ung thư vú 15.229 ca (tương đương tỷ lệ 9,2%). Tỷ lệ mắc ung thư vú đang tăng nhanh qua từng năm. Năm 2013, tỉ lệ mắc ở mức 24,4/100.000 phụ nữ, đến năm 2018 đã tăng lên tới 26,2/100.000 phụ nữ, tương đương 15.000 ca mắc mới, trong đó có hơn 6.000 ca tử vong. Phụ nữ có nguy cơ mắc ung thư vú cao hơn nam giới, 99% các trường hợp ung thư vú xuất hiện ở nữ giới. Phụ nữ lớn tuổi thì có nguy cơ mắc bệnh nhiều hơn phụ nữ trẻ, gần 80% trường hợp mắc ung thư vú xuất hiện ở phụ nữ trên 50 tuổi.

Nguyên nhân của ung thư vú chưa được biết rõ, nhưng với những nghiên cứu dịch tễ học cùng với những hiểu biết sâu hơn về sinh học của tế bào tuyến vú đã mang lại những cơ sở mới cho căn bệnh này. Bệnh ung thư vú thường gặp ở những người sinh con muộn, không có khả năng sinh sản hoặc không cho con bú. Yếu tố gia đình được xem là có liên quan đến ung thư vú, khoảng 10-15% các trường hợp ung thư vú có yếu tố gia đình. Yếu tố gia đình liên quan đến nhiễm sắc thể 17 (đột biến gene BRCA1 và BRCA2) có liên quan đến việc xuất hiện sớm ung thư vú trong một số gia đình. Ngoài ra một số yếu tố nguy cơ có thể làm tăng ung thư vú như có kinh nguyệt sớm hay mãn kinh muộn, tiền sử các bệnh liên

quan đến vú như xơ nang tuyến vú..., sống trong môi trường độc hại, béo phì, lười vận động, ăn thức ăn nghèo vitamin, hút thuốc lá, uống rượu...

Sàng lọc phát hiện sớm ung thư vú là quá trình áp dụng một biện pháp kỹ thuật để phát hiện những cá thể đang có nguy cơ phát triển thành bệnh, hoặc đã có biểu hiện bệnh tiềm ẩn ở giai đoạn tiền lâm sàng hoặc một bệnh ở thời kỳ sớm trong một cộng đồng mà bệnh ung thư vú chưa biểu hiện những triệu chứng lâm sàng dễ thấy. Nhờ các chương trình sàng lọc phát hiện sớm ung thư vú mà tỷ lệ tử vong do ung thư vú đã giảm đáng kể trong vòng 3-4 thập niên trở lại đây.

Có nhiều phương pháp sử dụng trong sàng lọc ung thư vú. Phổ biến hiện nay có 5 phương pháp giúp phát hiện sớm ung thư vú bao gồm: Tự khám vú, khám lâm sàng vú, chụp nhũ ảnh, chụp cộng hưởng từ (MRI) vú và siêu âm vú.

Chẩn đoán xác định ung thư vú chủ yếu dựa vào xét nghiệm mô lấy ra từ sinh thiết. Không bao giờ điều trị khi chưa có chẩn đoán khẳng định ung thư bằng xét nghiệm mô học.

### **Ung thư cổ tử cung**

Ung thư cổ tử cung (UTCTC) đứng hàng thứ hai trong các ung thư sinh dục ở nữ giới về tỷ lệ mắc cũng như tỷ lệ tử vong. Năm 2012, ước tính tại Việt Nam có 5.146 phụ nữ mắc ung thư cổ tử cung, tỷ lệ mắc mới ung thư cổ tử cung đã chuẩn hóa theo tuổi (ASR) là 10,6/100.000 phụ nữ.

UTCTC là bệnh lý ác tính của biểu mô lát (biểu mô vảy) hoặc biểu mô tuyến cổ tử cung, thường gặp từ độ tuổi 30 trở đi. Các tổn thương ban đầu là các thay đổi ở biểu mô lát và/hoặc tuyến cổ tử cung. Phần lớn các tổn thương này tự thoái triển về bình thường sau một thời gian tương đối ngắn hoặc không tiến triển đến dạng nặng hơn. Ở một số phụ nữ tổn thương ban đầu có thể tồn tại và tiến triển trong khoảng 10-20 năm qua các giai đoạn tân sản nội biểu mô để hình thành ung thư cổ tử cung.

Nguyên nhân tiên phát của UTCTC được khẳng định là do nhiễm một hoặc nhiều týp vi rút gây u nhú ở người (Human Papilloma vi rút - HPV). HPV là tác nhân lây truyền qua đường tình dục. Cho đến nay đã phát hiện được khoảng 150 týp HPV, trong đó hơn 30 týp thường lây lan qua quan hệ tình dục. Người ta chia HPV sinh dục thành hai nhóm: nhóm nguy cơ thấp (thường gặp nhất là các týp 6 và 11) gây nên sùi mào gà sinh dục và nhóm nguy cơ cao (có 14 týp, các týp thường gặp nhất là 16, 18, 31, 33 và 45) gây ra các tổn thương: CIN và/hoặc ung thư cổ tử cung, âm đạo, hậu môn, dương vật, thanh quản...

Tỷ lệ mắc bệnh ung thư cổ tử cung ở Việt Nam có liên quan chặt chẽ với tỷ lệ hiện nhiễm HPV, tỷ lệ này ở khu vực miền Nam cao hơn so với khu vực miền Bắc. Nguy cơ nhiễm HPV ít nhất 1 lần trong đời của người phụ nữ là khoảng 80%, tỷ lệ nhiễm cao nhất xảy ra trong độ tuổi 20-30, có thể chiếm 20-25% trong quần thể. Các yếu tố nguy cơ nhiễm HPV như: quan hệ tình dục sớm, quan hệ tình dục với nhiều người, sinh nhiều con, vệ sinh sinh dục không đúng cách, viêm cổ tử cung mạn tính, điều kiện dinh dưỡng, kinh tế-xã hội thấp, hút thuốc lá, đái tháo đường, suy giảm miễn dịch (nhiễm HIV)...

Sàng lọc UTCTC là việc phát hiện các tổn thương tân sản nội biểu mô cổ tử cung. Có nhiều phương pháp hiện được dùng trong sàng lọc các tổn thương tiền ung thư và ung thư cổ tử cung.

Hiện nay một số xét nghiệm chẩn đoán có thể phát hiện các týp HPV nguy cơ cao sinh ung thư, chúng có thể được sử dụng xét nghiệm sàng lọc sơ cấp riêng biệt hoặc phối hợp với phương pháp khác. Xét nghiệm HPV có độ nhạy cao và giá trị dự báo âm tính cao. Nếu xét nghiệm HPV âm tính (-) gần như không có nguy cơ hình thành CIN III trong vòng 5 năm sau đó. Điều này cho phép giãn thời gian sàng lọc và giảm số lần sàng lọc trong cuộc đời người phụ nữ.

Chẩn đoán xác định UTCTC dựa chủ yếu vào kết quả soi cổ tử cung và sinh thiết. Đây là phương pháp duy nhất để chẩn đoán xác định và có quyết định điều trị. Nếu soi cổ tử cung thấy tổn thương trong ống cổ tử cung thì phải nạo niêm mạc ống cổ tử cung để xét nghiệm mô bệnh học.

### **Tiêm vắc-xin phòng ung thư cổ tử cung**

Tiêm vắc-xin HPV là biện pháp phòng ngừa nhiễm các chủng HPV nguy cơ cao, từ đó phòng ngừa ung thư cổ tử cung, âm hộ, âm đạo, các tổn thương tiền ung thư hoặc loạn sản, mụn cóc sinh dục và bệnh lý do nhiễm HPV. Hiện nay có nhiều loại vắc-xin HPV khác nhau (vắc-xin nhị giá, tứ giá, chín giá...) và tùy thuộc vào các chủng vi rút mà các vắc-xin có những hiệu quả bảo vệ với các bệnh khác nhau. Liệu trình tiêm vắc-xin HPV khác nhau tùy thuộc loại vắc-xin và độ tuổi của đối tượng.

Đối tượng tiêm chủng là trẻ em gái và phụ nữ từ 9-26 tuổi. Theo “Kế hoạch hành động quốc gia dự phòng và kiểm soát ung thư cổ tử cung giai đoạn 2016-2025”, mục tiêu tiêm vắc-xin HPV đạt ít nhất 25% vào năm 2025.

### **Vai trò của xã hội hóa trong việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ dự phòng và sàng lọc ung thư vú, ung thư cổ tử cung tại cộng đồng**

Mỗi loại ung thư đều có sự tiến triển khác nhau và có nhiều cách phân loại các giai đoạn tiến triển ung thư khác nhau. Tuy nhiên, đều thống nhất rằng càng phát hiện sớm thì hiệu quả điều trị càng cao, càng phát hiện muộn hiệu quả điều trị càng thấp và nguy cơ tử vong càng cao. Nếu phát hiện sớm ở giai đoạn đầu và được điều trị thì tỷ lệ sống 5 năm có thể đạt trên 80%, thậm chí tới 100% đối với một số loại ung thư. Ngược lại, nếu phát hiện ở giai đoạn cuối thì tỷ lệ sống 5 năm giảm xuống dưới 5%.

Theo báo cáo tổng quan ngành Y tế năm 2014, các hoạt động tuyên truyền phòng chống ung thư được tiến hành rời rạc, theo thời vụ, không có một kế hoạch, chiến lược rõ ràng, thiếu sự phối hợp giữa các biện pháp truyền thông và hầu như chưa có sự lồng ghép tuyên truyền trong các bệnh không lây nhiễm dẫn tới hiệu quả không được cao như mong muốn. Kinh phí cho hoạt động truyền thông bị cắt hoàn toàn trong những năm cuối của Dự án.

Do khoảng thời gian hình thành và tồn tại tổn thương tiền ung thư ở ung thư vú và ung thư cổ tử cung tương đối dài; yếu tố nguyên nhân và các yếu tố nguy cơ đã được xác định; mặt khác vú, cổ tử cung là bộ phận có thể tiếp cận trực tiếp để

quan sát, thăm khám, lấy bệnh phẩm và thực hiện các can thiệp điều trị nên đại đa số các trường hợp ung thư vú, ung thư cổ tử cung có thể được phòng ngừa bằng cách sàng lọc, phát hiện sớm và điều trị các thương tổn tiền ung thư.

Sàng lọc ung thư vú, ung thư cổ tử cung là một nội dung trong “Chiến lược quốc gia phòng, chống bệnh ung thư, tim mạch, đái tháo đường, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính, hen phế quản và các bệnh không lây nhiễm khác, giai đoạn 2015-2025” với mục tiêu “Hạn chế sự gia tăng tỷ lệ người tiền bệnh, mắc bệnh, tàn tật và tử vong sớm tại cộng đồng do các bệnh ung thư, tim mạch, đái tháo đường, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản” (mục tiêu 3) và chỉ tiêu “40% số người mắc một số bệnh ung thư được phát hiện ở giai đoạn sớm (đối với những bệnh ung thư nếu được phát hiện sớm có giá trị nâng cao hiệu quả điều trị)”. Chiến lược cũng xác định một trong những giải pháp về nguồn lực tài chính là “Nguồn xã hội hóa”.

Đề án 818 hoạt động theo cơ chế xã hội hóa thực hiện cung cấp phương tiện tránh thai, hàng hóa và dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, sức khỏe sinh sản (Quyết định số 818/QĐ-BYT ngày 12/3/2015 và Quyết định số 718/QĐ-BYT ngày 25/02/2019). Mục tiêu của Đề án 818 là “Tăng cường khả năng tiếp cận phương tiện tránh thai, hàng hóa và dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe sinh sản cho nhóm dân cư có nhu cầu và có khả năng chi trả; chú trọng dự phòng, sàng lọc ung thư vú, ung thư cổ tử cung tại cộng đồng theo phương thức xã hội hóa và huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực xã hội góp phần giảm gánh nặng ngân sách nhà nước, tăng tính bền vững của công tác dân số và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới”.

Thực hiện các mục tiêu của Đề án, cần thiết phải xây dựng và thử nghiệm mô hình xã hội hóa dự phòng và tầm soát ung thư vú, ung thư cổ tử cung tại cộng đồng để huy động có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư, kinh nghiệm và các tiến bộ khoa học kỹ thuật của các tổ chức phi chính phủ, công ty tư nhân trong và ngoài nước. Thực hiện quản lý, điều phối có hiệu quả nguồn đóng góp của các thành phần tham gia Dự án; Tổ chức mạng lưới các cơ sở tham gia cung cấp dịch vụ một cách hệ thống, chuyên nghiệp, hợp lý với kiểm soát chặt chẽ các quy trình, quy chuẩn và quy định chuyên môn, kỹ thuật của Bộ Y tế là những nội dung cơ bản của mô hình. Mô hình là một phương thức tiếp cận mới trong việc giải quyết các vấn đề về chăm sóc sức khỏe sinh sản nói chung và đáp ứng nhu cầu về dự phòng đối với các bệnh ung thư nói riêng thông qua xã hội hóa, đảm bảo sự phát triển bền vững của chương trình dân số.

## **II. CĂN CỨ XÂY DỰNG DỰ ÁN**

1. Nghị quyết số 137/NQ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ về ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới;

2. Quyết định số 2013/QĐ-TTg, ngày 14/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược Dân số và Sức khỏe sinh sản Việt Nam giai đoạn 2011-2020;

3. Quyết định số 376/QĐ-TTg ngày 20/03/2015 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt “Chiến lược quốc gia phòng, chống bệnh ung thư, tim mạch, đái tháo đường, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính, hen phế quản và các bệnh không lây nhiễm khác, giai đoạn 2015-2025”.

4. Quyết định số 3338/QĐ-BYT ngày 09/9/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành hướng dẫn Quy trình kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh chuyên ngành Ung bướu: Quy trình số 278 về sàng lọc phát hiện sớm ung thư vú và Quy trình số 279 về sàng lọc phát hiện sớm ung thư cổ tử cung.

5. Quyết định số 5240/QĐ-BYT ngày 23/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt tài liệu “Kế hoạch hành động quốc gia về dự phòng và kiểm soát ung thư cổ tử cung giai đoạn 2016-2025”.

6. Quyết định số 3756/QĐ-BYT ngày 21/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành hướng dẫn hoạt động dự phòng, phát hiện sớm, chẩn đoán, điều trị và quản lý một số bệnh không lây nhiễm phổ biến cho tuyến y tế cơ sở.

7. Quyết định số 2402/QĐ/BYT ngày 10/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành “Hướng dẫn dự phòng và kiểm soát ung thư cổ tử cung”.

8. Quyết định số 818/QĐ-BYT ngày 12/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt đề án “Xã hội hóa cung cấp phương tiện tránh thai và dịch vụ kế hoạch hóa gia đình/sức khỏe sinh sản tại khu vực thành thị và nông thôn phát triển giai đoạn 2015-2020”.

9. Quyết định số 718/QĐ-BYT ngày 25/02/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt đề án “Tiếp tục đẩy mạnh, mở rộng xã hội hóa cung cấp phương tiện tránh thai, hàng hóa và dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, sức khỏe sinh sản đến năm 2030”.

### **III. MỤC TIÊU**

#### **1. Mục tiêu chung**

Tăng cường khả năng tiếp cận sản phẩm và dịch vụ dự phòng, sàng lọc phát hiện sớm ung thư vú, ung thư cổ tử cung tại cộng đồng theo phương thức xã hội hóa; huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực xã hội góp phần giảm nhanh gánh nặng ngân sách nhà nước và thực hiện thành công Đề án 818.

#### **2. Mục tiêu cụ thể**

1) Xây dựng mô hình “Xã hội hóa cung cấp sản phẩm và dịch vụ dự phòng, sàng lọc ung thư vú, ung thư cổ tử cung tại cộng đồng”.

- Đến năm 2025, mô hình được thí điểm và từng bước mở rộng tại ít nhất 20 tỉnh, thành phố.

- Đến năm 2030, mô hình được triển khai tại ít nhất 90% tỉnh, thành phố.

#### **Các chỉ báo cần đạt được đến 2025 tại địa bàn triển khai Mô hình:**

- Ít nhất 90% người dân có nhu cầu được cung cấp kiến thức về nguy cơ và dự phòng ung thư vú, ung thư cổ tử cung.

- Ít nhất 30% số phụ nữ trên 40 tuổi có nhu cầu được tư vấn, cung cấp sản phẩm và dịch vụ sàng lọc, dự phòng ung thư vú phù hợp với khả năng chi trả theo phân khúc thị trường.

- Ít nhất 30% phụ nữ từ 30-54 tuổi có nhu cầu được tư vấn, cung cấp sản phẩm và dịch vụ sàng lọc, dự phòng ung thư cổ tử cung phù hợp với khả năng chi trả theo phân khúc thị trường.

- 100% cơ quan dân số cấp tỉnh, huyện trực tiếp quản lý, điều phối và tổ chức cung ứng sản phẩm, dịch vụ dự phòng, sàng lọc ung thư vú và ung thư cổ tử cung của Dự án.

- 90% cộng tác viên dân số, nhân viên y tế thôn bản, cán bộ quản lý, người tham gia cung ứng sản phẩm dự phòng, sàng lọc ung thư vú và ung thư cổ tử cung được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao kiến thức, kỹ năng về các nội dung Dự án và trực tiếp tham gia phân phối sản phẩm và một số hoạt động trong cung cấp dịch vụ đã được quy định của Dự án.

2) Huy động các tổ chức, đơn vị, tư nhân trong và ngoài nước tham gia đầu tư, phân phối, cung ứng sản phẩm, dịch vụ về dự phòng, sàng lọc ung thư vú và ung thư cổ tử cung góp phần tăng sự lựa chọn, sử dụng của nhóm dân cư có nhu cầu và có khả năng chi trả.

#### **Các chỉ báo cần đạt được đến 2025 tại địa bàn triển khai Mô hình:**

- Ít nhất 05 tổ chức, đơn vị, tư nhân tham gia đầu tư, phân phối, cung ứng sản phẩm, dịch vụ dự phòng, tầm soát ung thư vú và ung thư cổ tử cung của Đề án.

- Ít nhất 05 sản phẩm dự phòng, sàng lọc phát hiện sớm ung thư vú và ung thư cổ tử cung được phân phối trong Dự án.

- Ít nhất 05 các giải pháp công nghệ thực hiện đơn giản, có tính cộng đồng cao về sàng lọc được áp dụng trong Dự án.

- 100% cơ sở y tế đủ điều kiện tham gia Đề án được đào tạo, tập huấn, chuyên gia công nghệ, kỹ thuật; hỗ trợ bổ sung trang thiết bị để triển khai dịch vụ kỹ thuật dự phòng, sàng lọc ung thư vú và ung thư cổ tử cung.

### **IV. NHIỆM VỤ VÀ HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU**

#### **1. Hình thành mạng lưới cung cấp dịch vụ dự phòng, sàng lọc ung thư vú, ung thư cổ tử cung tại cộng đồng**

Mạng lưới cung cấp dịch vụ dự phòng, sàng lọc ung thư vú, ung thư cổ tử cung tại cộng đồng được hình thành theo nguyên tắc huy động, tập hợp các cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động trên các lĩnh vực có liên quan và tự nguyện tham gia. Mạng lưới hoạt động trong khuôn khổ hệ thống cung cấp phân phối sản phẩm, dịch vụ của Đề án 818.

##### **1.1. Ban quản lý Đề án 818 Trung ương**

- Thực hiện lựa chọn những sản phẩm để dự phòng, sàng lọc về ung thư vú, ung thư cổ tử cung (sau đây gọi tắt là sản phẩm); lựa chọn những dịch vụ kỹ thuật và công nghệ phù hợp để dự phòng, sàng lọc phát hiện sớm ung thư vú, ung thư cổ

tử cung (sau đây gọi tắt là dịch vụ); lựa chọn các tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp trong và ngoài nước đủ điều kiện và năng lực tham gia cung cấp các sản phẩm, dịch vụ trong Dự án.

- Hướng dẫn xây dựng mạng lưới đảm bảo cho việc triển khai thực hiện, quản lý các hoạt động dự phòng, sàng lọc ung thư vú, ung thư cổ tử cung tại cộng đồng.

- Hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ, tổ chức thực hiện, quản lý và giám sát, hỗ trợ kỹ thuật cho toàn bộ mạng lưới.

### **1.2. Ban điều hành Đề án 818 tỉnh, thành phố**

Ban điều hành Đề án 818 tỉnh, thành phố được thành lập theo Quyết định số 718/QĐ-BYT ngày 25/02/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế, trực tiếp chỉ đạo, phân công nhiệm vụ, điều phối các hoạt động cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong địa bàn tỉnh, thành phố.

#### **Các hoạt động chính:**

- Phân công nhiệm vụ cho các thành viên tham gia Ban điều hành.
- Hình thành đội ngũ giảng viên, cán bộ nòng cốt tuyển tỉnh/huyện.
- Lựa chọn đội ngũ cán bộ, cộng tác viên trực tiếp tham gia phân phối sản phẩm, dịch vụ tuyển huyện, xã, thôn, bản.
- Tổ chức lựa chọn các cơ sở y tế đủ điều kiện tham gia cung cấp dịch vụ, trình Sở Y tế phê duyệt; ký cam kết về nội dung và hình thức tham gia cung cấp dịch vụ.
- Xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện tuyên truyền, vận động và cung cấp sản phẩm, dịch vụ.
- Kiểm tra, giám sát, báo cáo kết quả triển khai thực hiện các hoạt động và sử dụng các nguồn lực của Dự án.

### **1.3. Hình thành đội ngũ cán bộ, cộng tác viên trực tiếp tham gia phân phối sản phẩm, dịch vụ tại cộng đồng**

Đội ngũ cán bộ, cộng tác viên trực tiếp tham gia phân phối sản phẩm, dịch vụ tại cộng đồng do Chi cục Dân số-Kế hoạch hóa gia đình tỉnh, thành phố phối hợp với các đơn vị có liên quan lựa chọn:

- Là cán bộ dân số, y tế tuyển huyện, xã (*bao gồm cả cộng tác viên dân số và y tế thôn bản*); nhân viên cơ sở y tế tư nhân.
- Tự nguyện, có trách nhiệm và nhiệt tình trong công việc.
- Là người ở địa bàn triển khai, có điều kiện tiếp cận trực tiếp với các đối tượng khách hàng của Dự án.
- Có khả năng tư vấn, tuyên truyền, vận động, tiếp cận khách hàng.
- Có khả năng và kinh nghiệm phân phối các sản phẩm, dịch vụ của Đề án.



### **Nhiệm vụ chủ yếu:**

- Thực hiện các hoạt động tư vấn, tuyên truyền, vận động về các nội dung chăm sóc và dự phòng ung thư vú, ung thư cổ tử cung tại hộ gia đình và cộng đồng.
- Tham gia các cao điểm truyền thông kết hợp với cung cấp dịch vụ.
- Tham gia cung cấp các sản phẩm, hàng hóa dự phòng, sàng lọc ung thư vú, ung thư cổ tử cung.
- Lập danh sách các đối tượng có nguy cơ cao về ung thư vú, ung thư cổ tử cung, các đối tượng thuộc diện tiêm phòng HPV.
- Quản lý đối tượng đã tham gia sàng lọc trên cơ sở phân loại các kết quả sàng lọc; nhắc nhở việc tuân thủ các chỉ dẫn của cán bộ y tế như: thời gian và nơi thực hiện sàng lọc lần tiếp theo, sử dụng thuốc theo hướng dẫn của cán bộ y tế.

### **1.4. Hình thành mạng lưới các cơ sở y tế đủ điều kiện cung cấp dịch vụ kỹ thuật**

Các cơ sở y tế đủ điều kiện được Sở Y tế quyết định và cho phép triển khai dịch vụ kỹ thuật dự phòng, sàng lọc phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, trình độ chuyên môn, trang thiết bị và nhân sự. Cơ sở y tế đủ điều kiện cần đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- Có tư cách pháp nhân, có giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động, có trang thiết bị, nhân lực theo quy định để triển khai dịch vụ kế hoạch hóa gia đình/SKSS. Có điều kiện và khả năng tham gia thực hiện dịch vụ, kỹ thuật về sàng lọc ung thư vú, ung thư cổ tử cung.
- Là cơ sở y tế/phòng khám đa khoa có chuyên ngành sản - phụ khoa, ung bướu hoặc phòng khám chuyên khoa sản - phụ khoa, ung bướu.
- Có khả năng tham gia triển khai hoạt động Đề án 818 tại cơ sở cũng như cộng đồng; đặc biệt là thực hiện việc sàng lọc ung thư vú, ung thư cổ tử cung tại cộng đồng.
- Cam kết tự nguyện tham gia và tham gia có trách nhiệm.

### **Nhiệm vụ chủ yếu:**

- Chuẩn bị đủ phương tiện kỹ thuật và nhân lực theo cam kết với Ban điều hành Đề án.
- Thực hiện các dịch vụ kỹ thuật theo phân công của Ban điều hành Đề án.
- Hỗ trợ hướng dẫn tư vấn kỹ thuật cho đội ngũ nhân viên tại cộng đồng.
- Tổ chức tiếp nhận, quản lý bệnh nhân theo quy định.
- Cung cấp thông tin về kết quả sàng lọc, điều trị, chuyển tuyến cho đơn vị quản lý theo hướng dẫn.

## **2. Lựa chọn sản phẩm, dịch vụ kỹ thuật, công nghệ đưa vào Dự án**

### **2.1. Yêu cầu**

- Các sản phẩm, dịch vụ kỹ thuật và công nghệ phải đáp ứng nhu cầu và khả năng chi trả của người dân; phù hợp với các nhiệm vụ, mục tiêu của Dự án.

- Mỗi phân khúc thị trường cần có 3-4 sản phẩm, dịch vụ để bảo đảm có nhiều sự lựa chọn và phù hợp với điều kiện, khả năng chi trả của mỗi nhóm khách hàng.

### **2.2. Tiêu chuẩn**

- Sản phẩm thuộc danh mục theo Quyết định số 4911/QĐ-BYT ngày 18/11/2015 của Bộ Y tế.

+ Là những sản phẩm có xuất xứ, ký mã hiệu, nhãn mác rõ ràng, hợp pháp.

+ Là những sản phẩm đã được phép lưu hành tại Việt Nam theo quy định của pháp luật.

- Kỹ thuật được lựa chọn là những kỹ thuật áp dụng công nghệ để thực hiện quy trình sàng lọc ung thư vú, ung thư cổ tử cung đã được Bộ Y tế quy định tại Quyết định số 3338/QĐ-BYT ngày 09/9/2013.

- Những sản phẩm, công nghệ, kỹ thuật sàng lọc ung thư vú, ung thư cổ tử cung đáp ứng nhu cầu cấp thiết, phù hợp với khả năng chi trả của người dân và nhiệm vụ của Dự án hiện chưa được ứng dụng tại Việt Nam. Những sản phẩm, công nghệ, kỹ thuật này phải đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Y tế hoặc tương đương và đã được cấp phép, lưu hành, sử dụng có hiệu quả tại các nước khác.

### **2.3. Điều kiện**

- Tổ chức, đơn vị, tư nhân đăng ký tham gia Dự án cung cấp sản phẩm, dịch vụ kỹ thuật và công nghệ về dự phòng, sàng lọc ung thư vú, ung thư cổ tử cung phải có tư cách hợp lệ, có đủ năng lực tài chính, không trong quá trình giải thể, không bị kết luận lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.

- Các đơn vị y tế đủ điều kiện tham gia trong mạng lưới phân phối sản phẩm, dịch vụ và được phép triển khai các giải pháp công nghệ về sàng lọc ung thư vú, ung thư cổ tử cung phải đảm bảo về điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân lực theo quy định.

### **2.4. Tổ chức tuyển chọn**

Những sản phẩm, kỹ thuật, giải pháp công nghệ về dự phòng, sàng lọc ung thư vú, ung thư cổ tử cung được tuyển chọn để triển khai trong Dự án phải dễ sử dụng, có tính cộng đồng cao, có hiệu quả dựa trên nhu cầu và điều kiện chi trả của người dân và năng lực của hệ thống cung cấp. Việc tuyển chọn được thực hiện đúng trình tự, đảm bảo công bằng, minh bạch và trung thực theo các bước sau:

- Các tổ chức, đơn vị, tư nhân có nhu cầu đăng ký tham gia cung ứng sản phẩm, dịch vụ phải gửi văn bản và hồ sơ đề nghị về Ban quản lý Đề án 818 Trung ương.

- Ban quản lý Đề án 818 Trung ương có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ; báo cáo Hội đồng chuyên môn xem xét đánh giá; trình hồ sơ đã hoàn thiện tới cấp có thẩm quyền quyết định.

- Sau khi có quyết định lựa chọn, Ban quản lý Đề án 818 Trung ương tổ chức thương thảo và ký hợp đồng với tổ chức, đơn vị, tư nhân thực hiện cung cấp sản phẩm, kỹ thuật và công nghệ về dự phòng, sàng lọc ung thư vú, ung thư cổ tử cung.

### **3. Tuyên truyền, vận động, cung cấp thông tin tạo môi trường đồng thuận thúc đẩy xã hội hóa, phát triển thị trường cung cấp sản phẩm, dịch vụ dự phòng, sàng lọc, phát hiện sớm ung thư vú và ung thư cổ tử cung**

Kết hợp nội dung giáo dục sức khỏe và cung cấp thông tin về sản phẩm, dịch vụ được cung cấp trong Dự án dưới nhiều hình thức và phương tiện sẵn có, phù hợp với điều kiện địa bàn triển khai Dự án. Lồng ghép các hoạt động tuyên truyền về dự phòng, sàng lọc ung thư vú và ung thư cổ tử cung vào các hoạt động truyền thông khác. Tận dụng triệt để lợi thế của các phương thức truyền thông hiện đại, đặc biệt chú trọng tới truyền thông có tương tác trên các mạng xã hội.

#### **3.1. Truyền thông giáo dục sức khỏe**

- Thường xuyên cung cấp thông tin, tư vấn trực tiếp tại cộng đồng về dự phòng, phát hiện sớm ung thư vú, ung thư cổ tử cung.

- Tư vấn, vận động tại hộ gia đình về nguy cơ, tác hại và cách phòng tránh ung thư vú, ung thư cổ tử cung.

- Sản xuất và phát hành các loại tài liệu, tờ rơi, sách mỏng về dự phòng ung thư vú, ung thư cổ tử cung.

#### **3.2. Truyền thông về xã hội hóa và sử dụng sản phẩm, dịch vụ**

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo chuyên đề, cung cấp thông tin cho lãnh đạo cấp ủy, chính quyền, đoàn thể, cộng đồng về lợi ích, sự cần thiết của dự phòng, sàng lọc ung thư vú, ung thư cổ tử cung thông qua Đề án xã hội hóa.

- Tổ chức các sự kiện truyền thông về xã hội hóa và giới thiệu các sản phẩm, dịch vụ dự phòng, sàng lọc ung thư vú, ung thư cổ tử cung.

- Sản xuất và phát sóng các phóng sự, phim, tiểu phẩm, kịch truyền hình, truyền thanh.

- Xây dựng chuyên trang, chuyên đề, bản tin, phóng sự trên báo, tạp chí, website có uy tín về xã hội hóa và các hoạt động của Dự án và Đề án 818.

- Sản xuất và phát hành các loại tài liệu, tờ rơi, sách mỏng về sản phẩm, dịch vụ dự phòng, sàng lọc phát hiện sớm ung thư vú, ung thư cổ tử cung.

Việc tổ chức tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông đại chúng như đài phát thanh, truyền hình, các báo của tỉnh/thành phố... nhằm nâng cao nhận

thức và tạo dư luận xã hội ủng hộ các hoạt động cung cấp dịch vụ dự phòng, sàng lọc, phát hiện sớm ung thư vú, ung thư cổ tử cung. Đặc biệt, việc tổ chức tuyên truyền vận động trên các kênh truyền thông hiện có của xã, chú trọng tăng cường phối hợp với các đoàn thể để tổ chức tuyên truyền trực tiếp tại hộ gia đình, đối tượng trong diện vận động thực hiện sàng lọc ung thư vú, ung thư cổ tử cung, tiêm chủng HPV.

### **3.3. Truyền thông kết hợp với cung cấp dịch vụ**

Các đợt cao điểm truyền thông lồng ghép với cung cấp dịch vụ dự phòng, sàng lọc ung thư vú, ung thư cổ tử cung tại cộng đồng là sự kết hợp giữa việc tăng cường các hoạt động truyền thông với tổ chức cung cấp các dịch vụ tại một địa điểm, địa bàn và trong một khoảng thời gian ngắn. Các đợt cao điểm được tổ chức tại các xã hoặc cụm các xã vào thời điểm phù hợp với các điều kiện cần thiết nhằm đạt được hiệu quả cao nhất.

#### **Các hoạt động chủ yếu:**

- Tuyên truyền trước, trong và sau cao điểm truyền thông kết hợp cung cấp dịch vụ.
- Lập danh sách đối tượng đăng ký sử dụng dịch vụ.
- Hướng dẫn, đưa đón đối tượng tới nơi cung cấp dịch vụ.
- Tổ chức các đợt cao điểm truyền thông lồng ghép các dịch vụ.
- Tư vấn, hướng dẫn đối tượng thực hiện kết luận, chỉ dẫn của cán bộ y tế.

### **4. Đề xuất hoàn thiện, bổ sung chính sách khuyến khích xã hội hóa và phát triển sản phẩm, dịch vụ dự phòng ung thư vú, ung thư cổ tử cung**

- Xây dựng và đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành các chính sách khuyến khích xã hội hóa và phát triển sản phẩm, dịch vụ dự phòng ung thư vú, ung thư cổ tử cung; hướng dẫn triển khai sau khi được phê duyệt.

- Vận động, khuyến khích các nhà đầu tư, nhà tài trợ trong và ngoài nước tham gia hợp tác, hỗ trợ kỹ thuật, cung ứng sản phẩm và dịch vụ bảo đảm hài hòa lợi ích giữa các bên tham gia.

- Hỗ trợ cơ sở y tế cung cấp dịch vụ sàng lọc ung thư vú, ung thư cổ tử cung: (1) trên cơ sở các nguồn lực được huy động của Dự án, ưu tiên đầu tư trang thiết bị, vật tư, đào tạo chuyển giao công nghệ đảm bảo việc triển khai dịch vụ dự phòng, sàng lọc ung thư vú, ung thư cổ tử cung; (2) đề xuất những cơ chế, chính sách khuyến khích các cơ sở y tế tự đầu tư, mở rộng, phát triển các loại hình dịch vụ sàng lọc phù hợp với khả năng của cơ sở và địa bàn Dự án.

### **5. Đào tạo, tập huấn kiến thức, kỹ năng thực hiện Dự án**

#### **5.1. Đào tạo, tập huấn đội ngũ giảng viên tuyến tỉnh, huyện**

- Xây dựng, ban hành chương trình, tài liệu đào tạo, tập huấn.
- Tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng. Các nội dung bao gồm: (1) cập nhật kiến thức, kỹ năng giảng dạy; (2) kỹ năng truyền thông, vận động tạo nhu cầu

phân phối sản phẩm, dịch vụ; (3) kỹ năng quản lý, phân phối sản phẩm, dịch vụ; (4) các nội dung liên quan khác.

- Trung ương chịu trách nhiệm đào tạo, tập huấn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ giảng viên cấp tỉnh, huyện. Địa phương chịu trách nhiệm đào tạo, tập huấn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, nhân viên trực tiếp tham gia các hoạt động tại địa bàn của Dự án.

## **5.2. Tập huấn cho các đơn vị, cá nhân trực tiếp tham gia phân phối sản phẩm, dịch vụ tại cộng đồng**

Tập huấn cho đội ngũ cán bộ, cộng tác viên trong hệ thống của Dự án về kiến thức, kỹ năng và tổ chức các hoạt động, phân phối sản phẩm, dịch vụ tại cộng đồng.

- Xây dựng, biên soạn tài liệu đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng.

- Tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng. Các nội dung bao gồm:

+ Kiến thức, kỹ năng tuyên truyền, tư vấn về dự phòng, sàng lọc, phát hiện sớm ung thư vú, ung thư cổ tử cung.

+ Kỹ năng tư vấn, hướng dẫn khách hàng sử dụng sản phẩm, dịch vụ dự phòng ung thư vú, ung thư cổ tử cung.

+ Kiến thức, kỹ năng tiếp thị sản phẩm.

+ Kiến thức, kỹ năng nhận biết tiêu chuẩn kỹ thuật, tác dụng, hạn sử dụng và chất lượng của sản phẩm, dịch vụ dự phòng ung thư vú, ung thư cổ tử cung.

+ Kiến thức về mức chi phí hoặc khung chi phí, cơ chế phân phối đối với từng sản phẩm, dịch vụ dự phòng ung thư vú, ung thư cổ tử cung theo phân khúc thị trường xã hội hóa.

+ Kỹ năng phân phối các sản phẩm dự phòng, sàng lọc, phát hiện sớm ung thư vú, ung thư cổ tử cung.

+ Kỹ năng tư vấn, chăm sóc và quản lý đối tượng tham gia dịch vụ phát hiện sớm, điều trị ung thư vú, ung thư cổ tử cung tại địa bàn Dự án.

## **5.3. Tập huấn, chuyển giao kỹ thuật cho các cơ sở y tế đủ điều kiện trong mạng lưới cung cấp dịch vụ**

- Rà soát, cập nhật và biên soạn các tài liệu hướng dẫn kỹ thuật dịch vụ.

- Tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng. Các nội dung bao gồm:

+ Cập nhật, cung cấp thông tin kiến thức cho đội ngũ cán bộ y tế tại các cơ sở y tế đủ điều kiện để triển khai cung cấp sản phẩm, dịch vụ về dự phòng, sàng lọc, phát hiện sớm ung thư vú, ung thư cổ tử cung theo quy trình tại Quyết định số 3338/QĐ-BYT ngày 09/9/2013 của Bộ Y tế.

+ Đối với các kỹ thuật, công nghệ mới được lựa chọn, Ban quản lý Đề án 818 Trung ương phối hợp với Sở Y tế và các đơn vị cung ứng dịch vụ tổ chức đào tạo, chuyển giao công nghệ để triển khai thực hiện.

## **6. Phân phối, cung cấp sản phẩm, dịch vụ**

### **6.1. Phân phối sản phẩm dự phòng, sàng lọc, phát hiện sớm ung thư vú, ung thư cổ tử cung**

- Các hoạt động và chi phí phân phối sản phẩm xã hội hóa về dự phòng, sàng lọc phát hiện sớm ung thư vú, ung thư cổ tử cung được xác định theo nội dung công việc trong quá trình phân phối từ Ban quản lý Đề án 818 của Trung ương đến các đơn vị phân phối trung gian và người sử dụng bao gồm:

+ Các hoạt động và chi phí hỗ trợ phân phối sản phẩm được thực hiện theo yêu cầu của thị trường và được thỏa thuận giữa các bên tham gia thực hiện các nhiệm vụ phân phối sản phẩm như: bảo quản, vận chuyển, bảo hiểm hàng hóa khi vận chuyển; các vật liệu, bao bì dùng cho việc vận chuyển, bảo quản hàng hóa; các chi phí phải trả cho người bán hàng, đóng gói, bảo quản, vận chuyển hàng hóa; các chi phí về dụng cụ, vật liệu tiêu hao và phục vụ bán hàng hóa; chi phí tuyên truyền, quảng cáo, quảng bá thương hiệu sản phẩm, sản xuất sản phẩm xúc tiến, khuyến mại sản phẩm; chi phí quản lý; thuế các loại; chi phí dự phòng; công tác phí, nghiên cứu, đào tạo, hội nghị khách hàng. Quyền lợi, trách nhiệm thực hiện các hoạt động của các bên và mức chi phí của các hoạt động theo quy định.

+ Các hoạt động và chi phí hỗ trợ thúc đẩy sản phẩm được thực hiện theo cam kết của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh với Ban quản lý Đề án 818 Trung ương để bổ sung hoạt động, chi phí thúc đẩy sản phẩm và theo kế hoạch sử dụng ngân sách nhà nước được duyệt. Hoạt động thúc đẩy sản phẩm có tác dụng kép đối với người bán hàng, các nhóm khách hàng và tạo dư luận xã hội ủng hộ chuyển đổi hành vi đối với thương hiệu sản phẩm hàng hóa về dự phòng sàng lọc, phát hiện sớm ung thư vú, ung thư cổ tử cung, tạo cơ sở giảm nhanh áp lực về kinh phí đầu tư của nhà nước đối với việc bảo đảm cho việc thực hiện mục tiêu hạn chế sự gia tăng tỷ lệ người tiền bệnh, mắc bệnh và tử vong sớm tại cộng đồng do các bệnh ung thư.

- Phạm vi thực hiện các hoạt động và chi phí hỗ trợ phân phối xã hội hóa về dự phòng sàng lọc, phát hiện sớm ung thư vú, ung thư cổ tử cung của các cấp phân phối theo thỏa thuận được ghi trong hợp đồng cụ thể đối với mỗi loại sản phẩm, hàng hóa về dự phòng sàng lọc, phát hiện sớm ung thư vú, ung thư cổ tử cung.

### **6.2. Cung cấp dịch vụ sàng lọc, phát hiện sớm ung thư vú, ung thư cổ tử cung**

Việc cung cấp các dịch vụ sàng lọc, phát hiện sớm ung thư vú, ung thư cổ tử cung được thực hiện theo phân cấp như sau:

- Tại mỗi quận, huyện lựa chọn 3-5 cơ sở y tế đủ điều kiện tham gia mạng lưới. Các cơ sở y tế này có trách nhiệm:

+ Trực tiếp triển khai cung cấp sản phẩm, dịch vụ kỹ thuật tại cơ sở.

+ Hỗ trợ triển khai cung cấp dịch vụ kỹ thuật tại cộng đồng trong địa bàn Dự án.

+ Đầu mối quản lý đối tượng dự phòng, sàng lọc.

- Mỗi tỉnh, thành phố lựa chọn ít nhất 01 cơ sở y tế làm đơn vị đầu mối chỉ đạo chuyên môn kỹ thuật của tỉnh. Cơ sở này có trách nhiệm:

+ Trực tiếp triển khai cung cấp sản phẩm, dịch vụ kỹ thuật tại cơ sở.

+ Hỗ trợ kỹ thuật; tiếp nhận, xử lý và phản hồi kết quả sàng lọc của các cơ sở y tế tuyến dưới.

+ Tiếp nhận những trường hợp do tuyến dưới chuyển đến để xác định chẩn đoán, điều trị hoặc chuyển tuyến.

- Các cơ sở y tế tham gia cung cấp dịch vụ về dự phòng, sàng lọc ung thư vú, ung thư cổ tử cung của Dự án đảm bảo một số nội dung sau:

+ Các sản phẩm được phân phối phải đáp ứng được nhu cầu và khả năng chi trả của người dân, theo mục tiêu và nhiệm vụ của Đề án 818.

+ Công khai các loại dịch vụ sàng lọc được cung cấp tại cơ sở, khuyến khích việc cung cấp dịch vụ trọn gói.

+ Việc thực hiện dịch vụ kỹ thuật để dự phòng, sàng lọc phát hiện sớm ung thư vú, ung thư cổ tử cung phải đảm bảo các điều kiện về nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định.

## **7. Đề xuất mức chi phí, khung chi phí phân phối cho từng sản phẩm và dịch vụ sàng lọc cho từng cấp phân phối, cung ứng**

### **7.1. Khảo sát, xây dựng mức chi phí, khung chi phí phân phối cho từng sản phẩm, dịch vụ theo nguyên tắc sau:**

- Bảo đảm hài hòa, hợp lý giữa các nhiệm vụ trong từng giai đoạn về tuyên truyền, quảng bá thương hiệu sản phẩm, dịch vụ, chi phí vận chuyển, hoa hồng phân phối và các chi phí khác.

- Mức chi phí, khung chi phí phân phối sản phẩm, dịch vụ phải đảm bảo có tác dụng khuyến khích đơn vị, cá nhân làm tốt nhiệm vụ, tiêu thụ được số lượng lớn sản phẩm.

### **7.2. Đề xuất mức chi phí, khung chi phí phân phối cho từng cấp phân phối sản phẩm, cung ứng dịch vụ theo nguyên tắc sau:**

- Bảo đảm mức chi phí, khung chi phí phân phối sản phẩm, dịch vụ giữa các địa phương phù hợp với đặc thù về địa lý, giao thông và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Mức chi phí phân phối sản phẩm phải đảm bảo có tác dụng khuyến khích sự tham gia tích cực của hệ thống y tế, dân số vào việc phân phối sản phẩm, hàng hóa sàng lọc ung thư vú, ung thư cổ tử cung, nhất là cán bộ dân số cấp xã, cộng tác viên dân số, y tế thôn bản, các cơ sở y tế cung cấp dịch vụ sàng lọc.

### **7.3. Đề xuất giá và chi phí phân phối sản phẩm, dịch vụ**

- Ban quản lý Đề án 818 Trung ương xây dựng khung giá và định mức chi phí phân phối phù hợp, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; hướng dẫn địa phương

tổ chức triển khai thực hiện; đồng thời, tiến hành nghiên cứu, đánh giá để đề xuất điều chỉnh cho phù hợp với thực tế.

+ Giá tối đa cho một sản phẩm, một dịch vụ kỹ thuật không được cao hơn so với giá đã được Bộ Y tế quy định.

+ Giá và mức chi phí phân phối cho từng sản phẩm, dịch vụ đảm bảo được quyền lợi của người sử dụng, của các đơn vị, tổ chức tham gia cung ứng và hệ thống phân phối sản phẩm, dịch vụ.

- Sở Y tế chỉ đạo Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình tỉnh chủ động quy định các mức chi phân phối sản phẩm, dịch vụ kỹ thuật theo nội dung chi và cấp phân phối phù hợp với điều kiện cụ thể của từng địa phương; tổ chức đánh giá hiệu quả phân phối để điều chỉnh.

### **8. Mở rộng hợp tác với cơ quan, doanh nghiệp, tư nhân, tổ chức phi chính phủ trong và ngoài nước trong việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ sàng lọc ung thư vú, ung thư cổ tử cung**

- Hợp tác với các cơ quan, doanh nghiệp, tư nhân, tổ chức phi chính phủ trong và ngoài nước trong các lĩnh vực: (1) nghiên cứu khoa học, nghiên cứu thử nghiệm và áp dụng kết quả nghiên cứu khoa học vào thực tiễn về các biện pháp kinh tế, xã hội, kỹ thuật và cơ chế nâng cao chất lượng dịch vụ sàng lọc ung thư vú, ung thư cổ tử cung; (2) đào tạo, tập huấn chuyên gia công nghệ; (3) hỗ trợ cung cấp sản phẩm, dịch vụ sàng lọc ung thư vú, ung thư cổ tử cung.

- Khuyến khích giới thiệu và đưa vào triển khai ứng dụng trong dự án các sản phẩm, dịch vụ kỹ thuật, công nghệ sàng lọc ung thư vú, ung thư cổ tử cung đã được triển khai có hiệu quả tại các chương trình, các nước. Bảo đảm lợi ích của người dân và các bên tham gia phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ của Dự án.

### **9. Nâng cao chất lượng thông tin quản lý, phản hồi của khách hàng**

- Triển khai hệ thống thông tin quản lý và hệ thống hậu cần đã được quy định tại Quyết định số 718/QĐ-BYT ngày 25/02/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

- Xây dựng và triển khai thực hiện hệ thống quản lý khách hàng, gồm:

+ Đối tượng có nguy cơ cao tại địa bàn Dự án.

+ Cơ sở dữ liệu điện tử phân loại đối tượng theo kết quả sàng lọc. Hướng dẫn, tư vấn phù hợp với kết quả sàng lọc, tái sàng lọc.

+ Hệ thống theo dõi, hướng dẫn người mắc bệnh: Cập nhật kết quả điều trị của tuyến trên; tư vấn tuân thủ điều trị, chăm sóc phục hồi chức năng, tái khám theo hướng dẫn của cơ sở điều trị.

- Tập huấn, hỗ trợ phần mềm, thiết bị tin học, công nghệ thông tin phù hợp cho các điểm thu tin.

### **10. Quản lý và giám sát thực hiện dự án**

- Hướng dẫn thực hiện các hoạt động của Dự án (*mỗi hoạt động nêu rõ mục đích yêu cầu, trách nhiệm thực hiện, đầu ra và thời gian hoàn thành*).



- Báo cáo định kỳ, các cơ sở phân phối sản phẩm, cung cấp dịch vụ báo cáo tình hình thực hiện, kết quả về các sản phẩm, dịch vụ đã cung cấp; số lượng khách hàng sử dụng dịch vụ; số lượng sản phẩm, hàng hóa đã tiêu thụ, phân phối; số lượng người sử dụng dịch vụ phát hiện dấu hiệu ung thư hoặc bị ung thư (nếu có).

- Cơ quan quản lý Dự án các cấp tổng hợp tình hình thực hiện tại cơ sở và có biện pháp hỗ trợ, giải quyết các khó khăn vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

- Kiểm tra, giám sát, hỗ trợ kỹ thuật của Cơ quan quản lý Dự án các cấp đối với các đơn vị, cơ sở cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Báo cáo tình hình thực hiện với cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

- Tổ chức khảo sát, học tập trao đổi kinh nghiệm trong và ngoài nước.

- Tổ chức hội nghị triển khai kế hoạch, sơ kết, tổng kết.

## **V. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN DỰ ÁN**

### **1. Giải pháp về nguồn vốn và quản lý vốn đầu tư**

#### **1.1. Huy động nguồn vốn đầu tư**

- Các nguồn vốn thực hiện Dự án được huy động từ vốn ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, vốn vay ưu đãi, viện trợ (ODA), vốn của nhà đầu tư, các nguồn vốn huy động hợp pháp khác và từ người sử dụng tự chi trả.

- Vốn ngân sách nhà nước (Ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, ODA) hỗ trợ Dự án xây dựng và thực hiện chính sách, truyền thông, tập huấn và chi phí quản lý, điều hành.

- Người sử dụng tự chi trả theo giá sản phẩm, dịch vụ kỹ thuật y tế theo quy định. Có khung giá sản phẩm, dịch vụ bao gồm cả tư vấn, theo dõi chăm sóc khách hàng phù hợp với từng vùng, địa phương trong từng giai đoạn cụ thể.

- Đối với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác, Ban quản lý Đề án 818 Trung ương trình cấp có thẩm quyền xem xét, hỗ trợ, cho phép vay ưu đãi, bảo lãnh vay thương mại, tạo cơ chế, chính sách thuận lợi để các doanh nghiệp, tổ chức, tư nhân thuộc các thành phần kinh tế chủ động trong việc bố trí và huy động nguồn vốn hợp pháp để tham gia thực hiện Dự án.

#### **1.2. Quản lý và sử dụng kinh phí**

Việc sử dụng, quản lý kinh phí từ các nguồn vốn của Dự án thực hiện theo Luật ngân sách nhà nước và theo thỏa thuận với nhà tài trợ, đầu tư.

### **2. Giải pháp về tổ chức bộ máy và nhân sự**

#### **2.1. Giải pháp về tổ chức quản lý**

Đơn vị thực hiện Dự án được tổ chức theo hướng mở, sử dụng các cán bộ, chuyên gia của Ban quản lý Đề án 818, không thành lập đơn vị quản lý riêng. Ban quản lý Đề án 818 Trung ương và Ban điều hành/Ban quản lý Đề án 818 tỉnh, thành phố chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện.

Ban quản lý Đề án 818 Trung ương xây dựng tiêu chí, điều kiện và hướng dẫn địa phương về tổ chức mạng lưới cung cấp sản phẩm, dịch vụ dự phòng, sàng lọc ung thư vú, ung thư cổ tử cung tại cộng đồng.

Giám đốc Sở Y tế quyết định lựa chọn các cơ sở y tế, hiệu thuốc tham gia vào mạng lưới của Dự án; giao nhiệm vụ cho các cán bộ dân số, y tế và cộng tác viên dân số trên cơ sở tham mưu của Chi cục Dân số - KHHGD và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

## 2.2. Giải pháp về nhân sự

- Đề triển khai hiệu quả các hoạt động của Dự án, Ban quản lý Đề án 818 các cấp huy động các cán bộ kiêm nhiệm hoặc hợp đồng để tổ chức thực hiện. Cân đối các nguồn kinh phí để chi trả tiền công, chi phí văn phòng và các chi phí khác theo quy định của pháp luật (*trừ giám đốc và một số nhân viên dự án được cơ quan quản lý nhà nước bổ nhiệm*).

- Lãnh đạo, cán bộ cơ quan y tế/dân số các cấp, các cơ sở y tế, hiệu thuốc tại địa bàn được lựa chọn tham gia thực hiện Dự án theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Ngoài ra, căn cứ vào từng hoạt động, từng giai đoạn, từng địa bàn, Ban quản lý Đề án 818 địa phương sẽ huy động nhân lực tại chỗ tham gia thực hiện Dự án.

## VI. NHU CẦU VÀ NGUỒN VỐN THỰC HIỆN DỰ ÁN

### 1. Giai đoạn 2019-2025: Dự kiến tổng nhu cầu kinh phí: 470 tỷ đồng

#### 1.1. Chia theo nguồn vốn đầu tư

- Vốn ngân sách Trung ương: 50 tỷ đồng
- Vốn ngân sách địa phương: 120 tỷ đồng
- Vốn huy động hợp pháp khác (ODA): 300 tỷ đồng.

#### 1.2. Chia theo năm đầu tư

*Đơn vị tính: Tỷ đồng*

Theo nguồn vốn	Tổng cộng	Chia theo năm						
		2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025
<b>CỘNG</b>	<b>470</b>	<b>20</b>	<b>57</b>	<b>76</b>	<b>87</b>	<b>85</b>	<b>80</b>	<b>65</b>
1. NS Trung ương	<b>50</b>	5.0	10.0	10.0	10.0	5.0	5.0	5.0
2. NS Địa phương	<b>120</b>	5.0	7.0	16.0	17.0	20.0	25.0	30.0
3. Nguồn khác	<b>300</b>	10.0	40.0	50.0	60.0	60.0	50.0	30.0

**2. Giai đoạn 2026 -2030:** Dự kiến nhu cầu kinh phí sẽ được xác định trên cơ sở kết quả thực hiện Dự án giai đoạn 2019-2025 và mục tiêu, nhiệm vụ giai đoạn 2026 -2030.

## VII. PHẠM VI, THỜI GIAN VÀ ĐỐI TƯỢNG THỰC HIỆN

### 1. Phạm vi, thời gian: Dự án được triển khai trên phạm vi toàn quốc

Giai đoạn đầu sẽ triển khai thực hiện thí điểm tại một số tỉnh điểm; sau đó đánh giá kết quả và mở rộng sang các tỉnh khác. Cụ thể:

1.1. Từ năm 2019-2020: Thí điểm triển khai tại 5-10 tỉnh.

1.2. Từ năm 2021-2025: Mỗi năm sau mở rộng 2-3 tỉnh lân cận tỉnh hạt nhân.

1.3. Từ năm 2026-2030: Dự án triển khai trên toàn quốc.

### 2. Đối tượng thụ hưởng

Nhân dân cư trú tại các địa bàn triển khai Dự án được cung cấp thông tin, nâng cao hiểu biết về dự phòng ung thư, ung thư đường sinh sản nói chung và ung thư vú, ung thư cổ tử cung nói riêng. Phụ nữ có nhu cầu dự phòng, phát hiện sớm ung thư vú, ung thư cổ tử cung được tiếp cận các sản phẩm, dịch vụ dự phòng, sàng lọc với chi phí phù hợp. Trẻ em gái được giáo dục về kỹ năng phòng tránh ung thư, tiếp cận dịch vụ tiêm phòng vắc-xin phòng ngừa ung thư cổ tử cung.

Các cơ sở y tế tham gia Dự án được tiếp cận công nghệ mới, từng bước nâng cao năng lực cung cấp dịch vụ đáp ứng nhu cầu người dân. Thông qua các hoạt động của dự án, các cơ sở y tế tích lũy kinh nghiệm huy động nguồn lực từ xã hội phục vụ các hoạt động của cộng đồng.

Hệ thống dân số tỉnh/huyện, đặc biệt là cán bộ chuyên trách dân số, cộng tác viên dân số, y tế thôn bản được tập huấn, cung cấp kiến thức, kỹ năng để trực tiếp tham gia tuyên truyền, tư vấn về cung cấp sản phẩm, dịch vụ và triển khai những hoạt động về dự phòng, sàng lọc ung thư vú, ung thư cổ tử cung tại cộng đồng.

## VIII. QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### 1. Tổng cục Dân số-Kế hoạch hóa gia đình

Tổng cục Dân số-Kế hoạch hóa gia đình là cơ quan quản lý Dự án, có trách nhiệm triển khai Dự án trên phạm vi toàn quốc:

- Chủ trì và phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tiến hành các thủ tục tiếp nhận và sử dụng các nguồn kinh phí, các sản phẩm, dịch vụ.

- Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền các hỗ trợ, khung giá sản phẩm, dịch vụ và xác định các chi phí liên quan; các văn bản, hướng dẫn xã hội hóa trong lĩnh vực dự phòng, sàng lọc phát hiện sớm ung thư vú, ung thư cổ tử cung tại cộng đồng.

- Chủ trì, xây dựng và ban hành theo thẩm quyền - Chủ trì và chịu trách nhiệm thực hiện Dự án; phối hợp với các Vụ/đơn vị có liên quan hướng dẫn, đôn đốc, thanh tra, kiểm tra, giám sát thực hiện Dự án.

- Định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo Lãnh đạo Bộ Y tế.

## **2. Vụ Kế hoạch - Tài chính**

- Chủ trì, phối hợp với Tổng cục Dân số-Kế hoạch hóa gia đình để cân đối và phân bổ nguồn lực trên cơ sở huy động và điều phối các nguồn lực của Chính phủ, của các tổ chức trong nước, ngoài nước cho lĩnh vực dự phòng và sàng lọc ung thư vú, ung thư cổ tử cung; đảm bảo đủ nhu cầu ngân sách cho các mục tiêu của Dự án.

- Hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra việc sử dụng kinh phí thực hiện Dự án theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật khác liên quan.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan theo chức năng nhiệm vụ.

## **3. Các Vụ, Cục, đơn vị khác thuộc Bộ Y tế**

Các Vụ, Cục, đơn vị khác thuộc Bộ Y tế trong phạm vi, nhiệm vụ được giao tham gia thực hiện Dự án, chủ động phối hợp, lồng ghép các nguồn lực của chương trình, dự án liên quan để triển khai có hiệu quả.

## **4. Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố**

- Bố trí, huy động các nguồn lực và khai thác lợi thế của địa phương để thực hiện Dự án.

- Lồng ghép có hiệu quả các hoạt động của Dự án với các hoạt động của các Chương trình/dự án khác có liên quan đang thực hiện trên cùng địa bàn đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm.

- Chỉ đạo Sở Y tế, Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình tổ chức thực hiện Dự án theo đúng hướng dẫn của Bộ Y tế.

- Kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Dự án tại địa phương theo kế hoạch định kỳ và đột xuất.

## **5. Sở Y tế các tỉnh, thành phố**

- Xây dựng kế hoạch triển khai các hoạt động dự phòng và sàng lọc ung thư vú, ung thư cổ tử cung của địa phương giai đoạn 2019-2030, trình Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố phê duyệt để bố trí nguồn lực, chỉ đạo thực hiện và triển khai lồng ghép vào các chương trình hiện có của địa phương.

- Chỉ đạo, chủ trì triển khai các hoạt động Dự án của địa phương theo nội dung Dự án đã được phê duyệt.

- Huy động mọi nguồn lực trong nước và ngoài nước để triển khai thực hiện kế hoạch tại địa phương.

- Báo cáo định kỳ, đột xuất về tiến độ, kết quả thực hiện Dự án, những khó khăn vướng mắc, đề xuất khuyến nghị và giải pháp gửi Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố và Bộ Y tế (Tổng cục Dân số-Kế hoạch hóa gia đình).

## **6. Các bệnh viện chuyên khoa đầu ngành**

- Phối hợp với Tổng cục Dân số-Kế hoạch hóa gia đình, Ban quản lý Đề án 818 Trung ương tham gia thực hiện các nội dung và hoạt động của Dự án trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và khả năng chuyên môn đã được quy định.

- Chịu trách nhiệm phối hợp triển khai hoạt động đào tạo và giám sát sau đào tạo.

- Tiếp nhận các trường hợp vượt quá chỉ định điều trị của tuyến tỉnh và cung cấp dịch vụ y tế chuyên sâu cho bệnh nhân ung thư vú, ung thư cổ tử cung, phản hồi thông tin theo quy định quản lý.

### **7. Các công ty, doanh nghiệp, tổ chức tham gia cung cấp sản phẩm, dịch vụ dự phòng, sàng lọc phát hiện sớm ung thư vú, ung thư cổ tử cung**

- Phối hợp với Tổng cục Dân số-Kế hoạch hóa gia đình, Ban quản lý Đề án 818 Trung ương tham gia thực hiện xã hội hóa cung cấp sản phẩm, dịch vụ sàng lọc ung thư vú, ung thư cổ tử cung.

- Phối hợp với Ban quản lý Đề án 818 Trung ương tổ chức triển khai các hoạt động truyền thông, vận động chuyển đổi hành vi sử dụng các sản phẩm, dịch vụ trong khuôn khổ Dự án.

- Đối với những đơn vị, tổ chức đầu tư, cung ứng sản phẩm, dịch vụ kỹ thuật, công nghệ trong Dự án chịu trách nhiệm cung cấp tài liệu; tổ chức đào tạo chuyên gia công nghệ; kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả triển khai cung cấp sản phẩm, công nghệ; chủ trì, hỗ trợ và phối hợp để xử lý những vấn đề phát sinh ngoài mong muốn.

### **8. Các đoàn thể, tổ chức hội nghề nghiệp, đơn vị truyền thông**

- Phối hợp với Bộ Y tế (Tổng cục Dân số-Kế hoạch hóa gia đình) trong công tác truyền thông vận động đến lãnh đạo Đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp, các nhà hoạch định chính sách, người có uy tín trong cộng đồng nhằm tăng cường sự ủng hộ về chính sách và nguồn lực cho công tác dự phòng và sàng lọc ung thư vú, ung thư cổ tử cung.

- Chủ động, tích cực tham gia công tác truyền thông - giáo dục nhằm nâng cao nhận thức, thái độ và hành vi của người dân về dự phòng và sàng lọc ung thư vú, ung thư cổ tử cung.

## **IX. HIỆU QUẢ KINH TẾ XÃ HỘI**

1. Dự án được triển khai sẽ từng bước đem lại hiệu quả kinh tế - xã hội ngày càng cao, bảo đảm tính bền vững của Chương trình Dân số: (1) Góp phần trực tiếp thực hiện mục tiêu đẩy mạnh xã hội hóa công tác y tế/dân số. (2) Đối tượng thụ hưởng được tiếp cận và có nhiều lựa chọn đối với các sản phẩm, dịch vụ, công nghệ mới tiên tiến về dự phòng, sàng lọc ung thư vú, ung thư cổ tử cung phù hợp với nhu cầu và khả năng chi trả của bản thân và gia đình. (3) Việc thực hiện dự án sẽ phát huy tính tự chủ của cấp cơ sở trong việc tạo mô hình bền vững về tài chính trong giải quyết các vấn đề y tế tại cộng đồng; tạo cơ hội cho các tổ chức tư nhân, các doanh nghiệp nêu cao trách nhiệm xã hội và đóng góp cho chương trình tăng nguồn lực đầu tư cho thị trường hàng hóa và dịch vụ dự phòng ung thư vú, ung thư cổ tử cung. (4) Góp phần củng cố, phát triển mạng lưới phân phối, cung ứng sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ đáp ứng với xu thế kinh tế thị trường và hội nhập xã hội, quốc tế.

2. Theo Hiệp hội ung thư Việt Nam; năm 2012, chỉ riêng ung thư cổ tử cung (xếp thứ 4 trong các loại ung thư thường gặp nhất) thì tổng gánh nặng trực tiếp trong cả nước là khoảng 1.755 tỷ đồng, chiếm 0,015 GDP và gánh nặng gián tiếp là khoảng 418 tỷ đồng. Với việc triển khai thực hiện Dự án sẽ huy động sự đóng góp của các nguồn lực xã hội thông qua xã hội hóa một mặt làm giảm chi phí đầu tư của nhà nước, mặt khác làm tăng sự quan tâm của xã hội đối với các mục tiêu chăm sóc sức khỏe nhân dân trong tình hình mới, tăng ý thức xã hội của các tầng lớp nhân dân trong việc tham gia cung cấp, sử dụng các sản phẩm và dịch vụ phòng, chống ung thư vú, ung thư cổ tử cung; góp phần đáp ứng được nhu cầu của người dân thuận lợi trong tiếp cận, lựa chọn sản phẩm, dịch vụ của chương trình; nâng cao và lan tỏa ý thức xã hội của các cơ sở y tế trong việc tham gia giải quyết các vấn đề xã hội đối với bệnh không lây nhiễm, qua đó giảm số người mắc bệnh ung thư vú, ung thư cổ tử cung tại cộng đồng, giảm tử vong sớm; giảm gánh nặng về kinh tế và bệnh tật cho người bệnh, gia đình, hệ thống y tế và toàn xã hội nếu được sàng lọc, phát hiện sớm, điều trị kịp thời các tổn thương tiền ung thư. Mặt khác, Dự án cũng góp phần làm tăng tỷ lệ phụ nữ và trẻ em gái thực hiện các hành vi an toàn dự phòng ung thư nói chung và dự phòng đối với ung thư vú, ung thư cổ tử cung nói riêng. Xã hội hóa cũng là hình thức tạo cơ hội cho các cơ sở y tế công lập tham gia thị trường; sự cạnh tranh trên thị trường là yếu tố, điều kiện quan trọng để cơ sở y tế công lập thúc đẩy đầu tư, nâng cao trình độ kỹ thuật của cán bộ cung cấp dịch vụ và nâng cao chất lượng dịch vụ được cung cấp.

-----\*\*\*-----